

Bản án số: 55/2020/HS-ST
Ngày 20-4-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T- TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hào.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch

Bà Đào Thị Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2020 tại Trụ sở, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2020/ TLST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2020; Thông báo đòi phiên tòa số và thông báo đòi phiên tòa số 14 ngày 16/3/2020; Thông báo đòi phiên tòa số 23 ngày 01/4/2020 đối với:

- Họ và tên: Lê Nh. Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày: 1981, tại: Tỉnh Cà Mau.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12.

Nơi cư trú: xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Họ tên cha: Lê Văn Ng. Sinh năm: 1952 (Còn sống).

Họ tên mẹ: Nguyễn Thị M, sinh năm: 1956 (còn sống).

Gia đình có 04 anh, chị em, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

- Người bào chữa: Luật sư Bùi V - Đoàn luật sư Tỉnh Đồng Nai. (Có mặt).

- Bị hại: Anh Nguyễn V, sinh năm: 1986. (Có mặt)

Địa chỉ: xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1956. (Có mặt)

Địa chỉ: xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Người làm chứng:

+ Anh Bùi Vũ L, sinh năm: 1995. (Có mặt)

Nơi cư trú: xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh Nguyễn Tiến H, sinh năm: 1998. (Có mặt)

Nơi cư trú: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh Đỗ Đình T, sinh năm: 1993. (Có mặt)

Nơi cư trú: xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Vũ Nhân là công nhân của công ty TNHH Công nghệ Kỹ thuật Y ở xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Vào khoảng 18 giờ 30 ngày 10/8/2019 trong khi Nh đang làm việc tại công ty thì nhận được tin nhắn điện thoại, nên Nh lấy điện thoại ra đọc rồi cất điện thoại vào túi quần. Lúc này anh Nguyễn V là quản lý xưởng của công ty phát hiện Nh sử dụng điện thoại trong giờ làm việc nên đã lập biên bản vi phạm nội quy, đồng thời yêu cầu Nh ký vào biên bản, nhưng Nh không ký và bỏ đi về chỗ làm việc. Khoảng 10 phút sau anh V tiếp tục yêu cầu Nh ký vào biên bản về vi phạm nói trên, nhưng Nh vẫn không ký và hai bên xảy ra cự cãi với nhau, sau đó anh V báo cáo sự việc lên Ban giám đốc của công ty về sự việc đã xảy ra. Do tức giận, nên Nh đã nảy sinh ý định đánh anh V, khi anh V vừa quay lưng đi thì Nh cầm con dao (loại dao dùng để rọc giấy, lúc này lưỡi dao chưa bật ra, còn nằm trong thân cán dao, lưỡi dao bằng thép có một đầu nhọn) chạy theo từ phía sau rạch vào vùng cổ anh V, anh V quay mặt lại đứng đối diện Nh nhưng chưa kịp phản ứng gì thì Nh bật lưỡi dao ra và rạch vào mặt anh V 01 nhát theo hướng ngang từ trái qua phải làm anh V bị chảy máu và thương tích. Cùng lúc này anh Bùi Vũ L là công nhân đang làm trong xưởng phát hiện sự việc nên ngăn cản, không chế định tước lấy con dao mà Nh đang cầm trên tay nhưng Nh cầm dao bỏ chạy, vớt con dao trong khu vực xưởng rồi chạy đến phòng bảo vệ của công ty trốn. Công ty đã trình báo sự việc đến Công an xã H, Công an xã H đã đến hiện trường ghi nhận sự việc, sau đó bàn giao Nh cùng hồ sơ ban đầu đến Công an huyện T để xử lý theo thẩm quyền. Anh V bị thương được mọi người đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện Đa khoa T, tỉnh Đồng Nai đến ngày 13/8/2019 xuất viện.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe mô tô hiệu Honda PCX biển số 69E1-04.xxx; 01 USB có lưu dữ video hiện trường khi Nh gây án.

Ngày 03/9/2019 Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai giám định thương tích đối với anh Nguyễn V. Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0822/TgT/2019 ngày 09/9/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai xác định anh V bị thương tích như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo từ khóe miệng bên phải đến má phải kích thước 6,5 x 0,3cm, bờ mép gọn, sẹo đổi màu, xơ dính, xấu về thẩm mỹ (Áp dụng Chương 9, điều IV, mục 1). Tỷ lệ: 15%.

- Sẹo môi trên bên trái kích thước 02 x 0,2cm (Áp dụng Chương 9, điều I, mục 1). Tỷ lệ: 01%.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể (Áp dụng theo phương pháp cộng lùi) do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 16% (mười sáu phần trăm).

3. Kết luận khác: Vật sắc.

Ngày 14/10/2019 Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Lê Nh về tội: “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại Điều 134 Bộ luật hình sự để điều tra theo quy định. Quá trình Lê Nh có biểu hiện tâm thần, nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T trung cầu giám định pháp y tâm thần đối với Lê Nh. Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần ngày 27/12/2019 của Viện pháp y Tâm thần Trung ương Biên Hòa kết luận như sau:

- Về y học:

+ Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay: Đang sự bị bệnh Tâm căn suy nhược (F48.0-ICD.10).

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi:

+ Tại thời điểm gây án: Đang sự bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

+ Hiện nay: Đang sự đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Lê Nh bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Về dân sự: Anh Nguyễn V yêu cầu bị cáo Lê Nh phải bồi thường tổng số tiền 178.846.979 đồng (Trong đó, có chứng từ là 33.581.643 đồng, còn lại không có chứng từ), nhưng bị cáo chỉ đồng ý bồi thường 50.000.000 đồng và đề nghị Tòa xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô hiệu Honda PCX biển số 69E1-04.xxx là tài sản hợp pháp của Lê Nh không liên quan đến hành vi phạm tội, nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 con dao (loại dao dùng để rọc giấy) là vật chứng của vụ án, sau khi gây án bị cáo đã vứt bỏ tại hiện trường, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T đã truy tìm nhưng không thu hồi được.

- Đối với 01 USB có lưu trữ video tại hiện trường vụ việc xảy ra ngày 10/8/2019 tại Công ty TNHH Công nghệ Kỹ thuật Y chuyển kèm theo hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số: 66/CT/VKS-TB ngày 20/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Lê Nh về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Nh: từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù và phải bồi thường cho bị hại, cũng như phải chịu án phí theo quy định.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Không có ý kiến gì.

Ý kiến của bị hại: Không có ý kiến gì.

Ý kiến người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Không có ý kiến gì.

Quan điểm của người bào chữa: Về tội danh người bào chữa thống nhất và không có ý kiến, không tranh tụng; về bồi thường thiệt hại đề nghị Hội đồng xét

xử giải quyết theo quy định của pháp luật; về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bản thân có phần hạn chế về nhận thức và hành vi, khi căng thẳng dễ gây bất lợi cho bản thân và người xung quanh, nên đề nghị Hội đồng xét xử không nên cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo để còn đi làm kiếm tiền bồi thường cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, các chứng cứ khác có tại hồ sơ và cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố, từ đó đã có đủ cơ sở kết luận: Vào lúc 18 giờ 30 phút ngày 10/8/2019 tại Công ty TNHH Công nghệ Kỹ thuật Y ở xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai, Lê Nh đã có hành vi sử dụng dao rọc giấy là hung khí nguy hiểm chĩa vào vùng mặt của anh Nguyễn V gây thương tích với tỷ lệ thương tật 16% (Mười sáu phần trăm).

Hành vi của bị cáo Lê Nh đã phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, gây mất an ninh, trật tự trị an. Bị cáo là người đã trưởng thành, đủ khả năng nhận biết được hành vi trên là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo đã bất chấp hậu quả thực hiện tích cực hành vi dùng hung khí nguy hiểm để gây thương tích cho người bị hại với tỷ lệ thương tật là 16%, đến nay chưa bồi thường. Vì vậy, cần có mức án nghiêm đối với hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như:

Về tình tiết tăng nặng: không.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc các bị cáo không có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, tỏ thái độ ăn năn hối cải; bị cáo có kết luận giám định pháp y tâm thần thời điểm phạm tội là người hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; bị cáo có nhân thân tốt để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình;

[3] Về dân sự: Anh Nguyễn V yêu cầu bị cáo Lê Nh phải bồi thường tổng số tiền 178.846.979 đồng nhưng bị cáo chỉ đồng ý bồi thường 50.000.000 đồng, đến nay vẫn chưa bồi thường.

Đối với trường hợp sức khỏe bị xâm phạm thì mức bồi thường tổn thất tinh thần tối đa không quá 50 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định (Khoản 2 Điều 590 Bộ luật Dân sự), ở đây bị hại bị thương tích 16%, yêu cầu bồi thường 100.000.000 đồng và không được bị cáo đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận, nghĩ nên chấp nhận ở 20 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định là phù hợp: $20 \text{ lần} \times 1.490.000 \text{ đồng} = 29.800.000 \text{ đồng}$. (1)

Các khoản khác: tiền khám chữa bệnh tại Bệnh viện đa khoa T: 3.299.937 đồng; tiền thuốc lần 1: 277.610 đồng; khẩu trang y tế: 42.250 đồng; tiền thuê người chăm sóc 3 ngày ở bệnh viện: $600.000 \text{ đồng} \times 3 = 1.800.000 \text{ đồng}$; tiền tái khám cắt chỉ: 79.000 đồng; tiền thuốc lần 2: 658.000 đồng; tiền ăn uống 11 ngày, ngày 3 bữa, mỗi buổi 50.000 đồng: $(11 \times 3) \times 50.000 \text{ đồng} = 1.650.000 \text{ đồng}$; tiền công những ngày không được làm việc: $629.000 \text{ đồng} \times 19 \text{ ngày} = 13.148.000 \text{ đồng}$ (anh V yêu cầu tính 30 ngày, tuy nhiên số ngày công lao động chỉ có 26 ngày/tháng, và anh V thực nghỉ chỉ có 19 ngày); Tiền xe đi lại 04 lần $\times 70.000 \text{ đồng} = 280.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng: 21.234.797 đồng. (2)

Riêng đối với khoản chi phí thẩm mỹ tạm tính là 52.221.456 đồng do anh V chưa điều trị xong; trong đó trình bày đã thực nộp 29.439.000 đồng có hóa đơn điện tử (3) là phù hợp nên chấp nhận; tiền đi lại qua đặt ứng dụng Grab đi từ huyện T đến Thành phố Hồ Chí Minh một tháng 02 lần, mỗi lần 02 lượt đi và về, đi từ tháng 12/2019 đến tháng 03/2020 là 03 tháng cụ thể: $(478.000 \text{ đồng} \times 2) \times 6 = 5.736.000 \text{ đồng}$ (4);

Và các chi phí khác như đi lại chưa đi thực tế, mua thuốc lần 2 chưa có hóa đơn chứng từ và các liệu trình dự liệu chưa thực tế xảy ra, nên tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi anh V hoàn tất thủ tục theo quy định và có đơn yêu cầu.

Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho anh V là $(1) + (2) + (3) + (4) = 86.209.797 \text{ đồng}$ (tám mươi sáu triệu hai trăm lẻ chín nghìn bảy trăm chín mươi bảy nghìn).

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô hiệu Honda PCX biển số 69E1-04.xxx là tài sản hợp pháp của Lê Nh không liên quan đến hành vi phạm tội, nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định trả lại cho bị cáo là phù hợp.

- Đối với 01 con dao (loại dao dùng để rọc giấy) là vật chứng của vụ án, sau khi gây án bị cáo đã vứt bỏ tại hiện trường, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T đã truy tìm nhưng không thu hồi được.

- Đối với 01 USB có lưu trữ video tại hiện trường vụ việc xảy ra ngày 10/8/2019 tại Công ty TNHH Công nghệ Kỹ thuật Y chuyên kèm theo tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 /12/016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Quan điểm của người bào chữa về các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận; Quan điểm về mức hình phạt không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

Quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Lê Nh phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

- Xử phạt bị cáo Lê Nh: 02 (Hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc bị áp giải để chấp hành án.

2. Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, các Điều 584, 585, 586, 591 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo bồi thường cho anh Nguyễn V số tiền 86.209.797 đồng (tám mươi sáu triệu hai trăm lẻ chín nghìn bảy trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Đối với 01 USB có lưu trữ video tại hiện trường vụ việc xảy ra ngày 10/8/2019 tại Công ty TNHH Công nghệ Kỹ thuật Y tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Buộc bị cáo Lê Nh phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 4.310.489 đồng (bốn triệu ba trăm mười nghìn bốn trăm tám mươi chín nghìn đồng).

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

* Nơi nhận:

- VKS H. T, VKS tỉnh (2)
- CA huyện T – BC (3)
- TAT.ĐN (1)
- THA.H T (5)
- Người liên quan, bị hại (1)
- Lưu. (2)
- Sở tư pháp (1)

Nguyễn Thị Phương Hảo